

Lần II:

TÀI LIỆU THUYẾT MINH CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc ta (1945 – 1975), miền Đông Nam Bộ nói chung và Tây Ninh nói riêng là địa bàn chiến lược rất quan trọng. Với địa hình núi rừng trải rộng nối liền Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ tiếp giáp với đồng bằng Tây Nam Bộ, đặc biệt là nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước. Đó là điều kiện để Đảng ta chỉ đạo hình thành nhiều căn cứ kháng chiến, xây dựng hệ thống căn cứ địa liên hoàn, tạo thế đứng vững chắc cho lực lượng kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau Cách mạng tháng Tám, Xứ ủy Nam Bộ là cơ quan lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Đến tháng 3/1951, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam gồm các ủy viên Trung ương Ban Chấp hành Trung ương Đảng đang hoạt động ở Nam Bộ để “căn cứ các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị mà cụ thể là chỉ đạo công tác cho Nam Bộ và bộ phận Đảng Lao động Việt Nam ở Cao Miên”.

Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn (1) được Đại hội toàn quốc lần thứ II bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư, được điều ra Trung ương công tác. Tuy nhiên do yêu cầu của chiến trường đến giữa năm 1952, Lê Duẩn mới lên đường ra Chiến khu Việt Bắc. Do đó, Bí thư Trung ương Cục miền Nam đầu tiên là đồng chí Lê Duẩn; Lê Đức Thọ - Phó Bí thư. Sau khi đồng chí Lê Duẩn ra miền Bắc, đồng chí Lê Đức Thọ được cử làm Bí thư; đồng chí Phạm Hùng – Phó Bí thư Trung ương Cục.

Thời điểm này, Trung ương Cục miền Nam đứng chân trên địa bàn huyện Sủ Đập Đá – Chắt Bông thuộc vùng U Minh Thượng, tỉnh Cà Mau (nay là huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang). Do tình hình cụ thể ở miền Nam khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp. Tháng 10/1954, Bộ Chính trị quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam, lập lại Xứ ủy Nam Bộ và các Khu ủy, tại Chắt Bông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Bạc Liêu. Suốt từ năm 1954 – 1961, vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách và tổn thất nặng nề, sự phát triển của phong trào cách mạng gắn liền với vai trò lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ.

Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III chủ trương “cử ra một số ủy viên Trung ương thành lập Trung ương Cục miền Nam phụ trách chỉ đạo công tác đảng ở những đảng bộ đặc biệt trọng yếu”.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 23/01/1961, Hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam. Lễ ra mắt được tổ chức long trọng tại Suối Nhung – Mã Đà – Chiến khu Đ. Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm một số ủy viên Trung ương được Trung ương Đảng cử ra và ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác của đảng ở miền Nam (lúc mới thành lập Trung ương Cục chỉ đạo cả miền Nam. Từ đầu năm 1965 trở đi, Trung ương Cục chỉ đạo Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, còn Trị Thiên và Liên khu V trực thuộc Trung ương). Trung ương Cục miền Nam

đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thường xuyên do Bộ Chính trị thay mặt chỉ đạo.

Nhiệm vụ và tổ chức Trung ương Cục miền Nam, Bộ Chính trị quy định:

- Về tổ chức:

“Theo quy định của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được Ban Chấp hành Trung ương cử ra và ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác đảng ở miền Nam, Trung ương Cục đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo.

Trung ương Cục có một Bí thư, một hoặc hai Phó Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định và Ban Thường vụ do Hội nghị Trung ương Cục bầu cử. Ngoài ra, tùy theo tình hình và yêu cầu công tác sẽ tổ chức cơ quan giúp việc”.

- Về nhiệm vụ:

“Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và những chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về cách mạng miền Nam mà đề ra chủ trương, chính sách, phương châm, kế hoạch công tác và chỉ đạo thực hiện cụ thể ở miền Nam. Đối với nhiệm vụ chiến lược chung toàn miền phải xin chỉ thị Trung ương và Bộ Chính trị...”

... Ngoài ra, Trung ương Cục còn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng quản lý và phân phối cán bộ Đảng ở miền Nam, thành lập các Đảng, Đoàn trong tổ chức quần chúng, quản lý và phân phối tài chính Đảng ở miền Nam.” (Những sự kiện lịch sử Đảng tập III, Nxb – TTLL – 1985. Tr 209).

Ngày 27/3/1961, Trung ương Đảng chỉ định nhân sự của Trung ương Cục miền Nam gồm tám đồng chí:

+ Đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) – ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ làm Bí thư.

+ Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) – Phó Bí thư.

+ Đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Văn) – Phó Bí thư.

+ Đồng chí Phạm Văn Xô (Hai Xô) – Ủy viên.

+ Đồng chí Phạm Thái Bường (Ba Bường) - Ủy viên.

+ Đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân) - Ủy viên.

+ Đồng chí Trần Nam Trung (Trần Lương) - Ủy viên.

+ Đồng chí Nguyễn Đôn - Ủy viên.

Những năm sau này của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Đảng cử thêm một số ủy viên Trung ương Đảng hoặc ủy viên Bộ Chính trị, bổ sung cho Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam (từ năm 1961 – 1965, Trung ương Cục chưa tổ chức Ban Thường vụ, chỉ có các ủy viên thường trực. Sau năm 1965, Trung ương Cục mới tổ chức Ban Thường vụ).

Ngày 10/10/1961, Trung ương Cục miền Nam họp Hội nghị mở rộng lần thứ I tại Chiến khu Đ. Sau khi phân tích tình hình mọi mặt ở miền Nam trong mấy năm qua, Hội nghị nêu lên mười công tác cụ thể:

1- Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng khắp cả ba vùng.

2- Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Staley – Taylor của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với âm mưu mới của địch.

3- Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội địch, coi đây là công tác có tính chất chiến lược cần quán triệt trong suốt quá trình cách mạng.

4- Đẩy mạnh công tác mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng tận dụng mọi khả năng chống Mỹ - Diệm.

5- Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa.

6- Cố gắng làm tốt công tác chính quyền ở vùng giải phóng.

7- Coi trọng và kịp thời đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu to lớn của cách mạng và đấu tranh chống địch.

8- Ra sức tuyên truyền, giáo dục và đưa quần chúng đô thị ra đấu tranh chống địch, xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở đô thị.

9- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục.

10- Củng cố xây dựng và phát triển Đảng và Đoàn.

Trung ương Đảng quyết định Đảng bộ miền Nam của Đảng Lao động Việt Nam cần lấy tên riêng là Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam để công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Chỉ thị của Trung ương Cục ngày 27/01/1961, chỉ rõ “...đây chỉ là một sự đổi tên. Tuy danh nghĩa công khai có khác với miền Bắc nhưng bí mật trong nội bộ và về phương diện tổ chức thì Đảng bộ miền Nam trước sau vẫn là một bộ phận của Đảng Lao động Việt Nam, chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Về nhiệm vụ cấp bách là xây dựng các cơ quan giúp cấp ủy đề ra chủ trương, đường lối, theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các chủ trương, chỉ đạo nghiệp vụ cho cấp dưới và đào tạo cán bộ thuộc ngành mình phụ trách. Gồm các cơ quan chuyên môn của Trung ương Cục như:

- Văn phòng: Thành lập năm 1961 – 9/1975.
- Ban Tổ chức: Thành lập năm 1961 – 1975.
- Ban Cơ yếu: Thành lập tháng 8/1961 – 8/1975.
- Ban Quân sự Miền (Bộ Chỉ huy Miền): Thành lập năm 1961 – 1975.
- Ban Kinh tài: Thành lập khoảng năm 1961 – 1975.
- Ban Giao bưu: Thành lập tháng 3/1962 – 25/02/1965.
- Ban Binh vận: Thành lập 02/4/1962.
- Ban An ninh: Thành lập tháng 8/1962 – 1975.
- Ban Tuyên huấn: Thành lập 30/01/1965.
- Ban Thông tin: Thành lập vào khoảng năm 1967.
- Ban Chính trị: Thành lập tháng 10/1968.

Qua nghiên cứu tài liệu, Trung ương Cục miền Nam còn có một số ban chuyên môn như sau: Trường Đảng trung – cao cấp Nguyễn Ái Quốc miền Nam, Ban Dân y (sau là Ban Y tế), Hội đồng cung cấp tiền phương, Đảng bộ Dân chính Đảng R (Trung ương Cục), Ban Chỉ đạo chính quyền, Ban Thi đua và Hội đồng thi đua khen thưởng

các cơ quan, Ban Liên lạc, Ban đấu tranh trực diện với địch, Ban Đón tiếp, Ban Giao thông Công chính, Ban Kinh tế Kế hoạch miền Nam, Ban Bảo vệ Đảng, Ban Trù bị Hội nghị hiệp thương, Ban Hồi hương, Ban Cán sự Việt kiều, Ban Hoa vận, Ban Mặt trận, Ban Thanh vận, Ban Phụ vận, Ban Nông vận, Ban Công vận, Ban Xây dựng vùng kinh tế mới, Đảng Đoàn Chính phủ và Đảng Đoàn các bộ. (Xem tài liệu: Hệ thống tổ chức Trung ương Cục miền Nam (1961 -1975)).

Trung ương Cục miền Nam thành lập giúp cho các Đảng bộ địa phương củng cố về tổ chức, tăng cường về sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng đối với Đảng bộ miền Nam. Đảng bộ miền Nam lấy tên gọi công khai là “Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam” có hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung từ Trung ương Cục đến các chi bộ. Các cấp ủy, Quân khu, Tỉnh ủy, Huyện ủy được củng cố, bổ sung cho đầy đủ số lượng và tăng cường nhiều cán bộ có kinh nghiệm phẩm chất vững vàng. Cùng với sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960) và Quân giải phóng miền Nam (15/02/1961). Việc thành lập Trung ương Cục miền Nam là ba sự kiện quan trọng đặc biệt, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của cuộc kháng chiến đang chuyển hướng từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Trong tình hình giao thông liên lạc giữa hai miền Nam – Bắc hết sức khó khăn, căn cứ vào đường lối của Trung ương Đảng, Trung ương Cục đã đề ra các chủ trương chính sách và chỉ đạo thực hiện để kịp thời đối phó với tình hình. Nhiều đồng chí ủy viên Trung ương Đảng, ủy viên Bộ Chính trị có kinh nghiệm về chiến trường và chỉ huy các trận đánh lớn đã được Trung ương cử vào tăng cường cho cách mạng miền Nam.

Trung ương Cục miền Nam được gọi là “R” (và có rất nhiều tên gọi khác nhau theo từng thời kỳ của lịch sử như: A9 (1961); Anh Trọng (1962); Chín Nam (khoảng năm 1960 – 1965); Năm Trường (khoảng 1965 – 1968); Ông Cù (từ 9/1963...dùng để gửi thư); Anh Tám (từ tháng 01/1962 – 1975, thường dùng trên điện); M40 (từ tháng 01/7/1968 chỉ vùng liên lạc với cấp Khu và các tỉnh trực thuộc); C69 (từ tháng 03/1969 – 03/1970); K89 (tháng 4/1970 – 5/1970); X97 (tháng 6/1970 – 3/1971); D102 (tháng 4/1971 – 02/1972); KBN (tháng 5/1972 – 1975 dùng trong công văn, chỉ thị, báo cáo trên văn bản); R (mật danh này dùng lâu nhất, dùng cả trên tài liệu và trên khẩu ngữ); ĐRC (tên đài dùng 1970 – 1971); PKH, X25 (tên đài dùng 1972 – 1973); FRO (từ 05/12/1973 chỉ dùng với Khu VIII); J16 (từ 30/9/1968 điện mật dùng với Khu VIII); Z15 (từ 30/9/1968 điện mật dùng với Khu IX); C112 (dùng khoảng năm 1968); Ba Đình (từ 15/6/1966 – 1973). Thật ra xuất xứ chữ “R” là từ tiếng Pháp. Do đồng chí Nguyễn Hữu Thế - Chánh văn phòng Xứ ủy Nam Bộ, xuất thân là một ông giáo Tây học, đồng chí đặt mật danh cho các địa phương theo tiếng Pháp. Theo đó, “R” tức “Région” là xứ, ý chỉ cơ quan toàn xứ (miền) chứ không phải “R” là viết tắt chữ “rừng”.

Thời kỳ đầu, Trung ương Cục miền Nam chọn căn cứ Khu A, bao quát gồm Chiến khu Đ (Suối Nhung – Mã Đà – Chiến khu Đ), mở rộng lên phía Phước Long, Bình Long, Quảng Đức đứng giữa Trung Nam Bộ để xây dựng căn cứ Trung ương Cục, lãnh đạo toàn bộ chiến trường miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào.

Sau một thời gian sống và chiến đấu ở Chiến khu Đ, trong tình hình quy mô và cường độ của cuộc chiến tranh từ nhiều phía. Trung ương Cục quyết định đề bạt lên Bộ Chính trị thu hẹp phạm vi lãnh đạo của Trung ương Cục về cực Nam Trung Bộ, chuyển căn cứ về Khu B, Bắc Tây Ninh.

Vì Mã Đà là vùng rừng thiêng, nước độc chưa được khai phá để sản xuất, phải đi tải gạo từ xa về ăn; nơi nhận gạo là Đất Cuốc, Tân Tịch, đi về mất cả tuần lễ. Tất cả cán bộ, trừ các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục, đều đi tải gạo. Mỗi người mang trên lưng một bông, với ít gạo để ăn khi đi và tải gạo (tùy theo sức người) khi về đến nơi, bông của cán bộ già yếu chẳng còn bao nhiêu gạo vì phải ăn trên đường về. Lương thực thiếu ăn, kèm theo bệnh sốt rét, ai cũng phải trải qua những cơn sốt rét gọi là “đóng thuế rừng”.

Sau khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15, phong trào tiến lên tiến công mạnh mẽ và sâu rộng. Đồng khởi phát triển rầm rộ ở các nơi, nhất là ở Nam Bộ. Việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của phong trào đặt ra yêu cầu cơ quan đầu não phải ở sát địa phương hơn để cấp dưới báo cáo về nhanh chóng và chỉ đạo kịp thời,

Hội nghị Trung ương Cục xét thấy Khu A ở khu núi rừng hiểm trở rất an toàn, nối liền thông suốt với Tây Nguyên, miền Trung và miền Bắc, dễ tiếp nhận chi viện và giúp đỡ của Trung ương. Nhưng không thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào ở Sài Gòn và các vùng nông thôn Nam Bộ đang sôi sục khí thế đấu tranh. Mặt khác, việc ăn ở và tiếp tế để đảm bảo đời sống và sức khỏe cán bộ ở đây khó khăn. Vì thế, nên quyết định dời cơ quan lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam về căn cứ phía Tây Bắc, vùng Bắc Tây Ninh, giáp biên giới Campuchia. Vùng núi rừng Tây Ninh có vị trí đặc biệt quan trọng. Ở đây, cuộc sống trong rừng núi cũng khó khăn, gian khổ nhưng khí hậu và thời tiết ít gay gắt khắc nghiệt hơn ở khu Đông Bắc (Khu A). Trung ương Cục đóng ở Bắc Tây Ninh không những giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm... mà còn thuận lợi cho việc lãnh đạo đấu tranh chính trị và quân sự. Địa bàn đấu tranh chính trị lớn nhất là “thủ đô” của ngụy quyền ở Sài Gòn – Gia Định. Đồng bằng sông Cửu Long là chiến trường trọng điểm đánh phá với chính sách “bình định” của địch cũng là nơi cung cấp sức người sức của cho kháng chiến. Ở xa những địa bàn đó, ta có thể bỏ lỡ nhiều cơ hội để đẩy mạnh phong trào cách mạng trong những giờ phút quyết định. Đánh giá vị trí tác dụng của vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ, nơi Trung ương Cục xây dựng căn cứ địa, đồng chí Lê Duẩn đã viết: “Vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ, nối liền với vùng rừng núi Khu 6 hình thành căn cứ chiến lược thường xuyên uy hiếp Sài Gòn. Từ căn cứ này quân chủ lực ta sẽ tiến đánh Sài Gòn, thắng địch tại đây và trên chiến trường Nam Bộ. Như vậy miền rừng núi Đông Nam Bộ và Khu 6 đối với Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như Khu căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ trước đây, trong cuộc kháng chiến chống Pháp”.

Thực hiện quyết định trên, các cơ quan Trung ương Cục lần lượt chuyển về căn cứ mới, đóng thành từng cụm ở các điểm dân cư trước đây nhưng ở thời điểm đó, không còn dân cư ở như: Lò Gò, Tà Nốt, Đồng Pan, Xa Mát, Cà Tum, Bỏ Túc, Rùm

Đuôn, Chàng Riệc...Tháng 02/1962, tất cả các cơ quan Trung ương Cục đều di chuyển hết về Khu căn cứ Bắc Tây Ninh. Lúc đầu, người còn ít, công tác bảo mật rất chặt chẽ trong việc ăn ở, đi lại trong căn cứ. Các cụm từ “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” và “không có tiếng gà gáy, không tiếng khóc trẻ em, không lọt ánh sáng đèn ban đêm”... đều trở thành hiệu lệnh nghiêm khắc của căn cứ.

Thời gian đầu về xây dựng căn cứ mới, việc bố trí đóng quân còn sơ sài chưa được quan tâm đúng mức. Việc bố trí phòng thủ căn cứ mới đặt trọng tâm vào xây dựng hàng rào bảo vệ, xây dựng hầm hào và công sự chiến đấu cùng lực lượng vệ binh tuần tra canh gác.

Hàng rào bảo vệ căn cứ được tạo thành hai lớp xen kẽ. Lớp thứ nhất gồm những thân cây vạt nhọn (thân cây có đường kính từ 20 cm trở lên, dài khoảng 4 m) cắm chi chít ở những trảng trống, bung, bầu...để chống trực thăng vận (máy bay chở lính đổ bộ ở những nơi trống). Đôi khi phải cắm xa căn cứ để đánh lạc hướng của địch. Lớp thứ hai gồm nhiều tầng lớp bít bùng những thân cây còn nguyên cành lá bị cưa đổ nhưng vẫn còn xanh tốt. Cách thức này gọi là “cò” cây (cây bị cưa vào thân khá sâu, đổ xuống nhưng không đứt hẳn, một phần trên vẫn dính vào phần dưới nên cây vẫn tiếp tục sống). Các hàng rào này che chắn rất tốt cho căn cứ, đồng thời vẫn đảm bảo được yếu tố bí mật. Từ máy bay nhìn xuống, toàn bộ cánh rừng vẫn xanh tươi như lúc chưa xây dựng căn cứ.

Nhà trong căn cứ nổi trên mặt đất, toàn bộ cột, kèo, đòn tay...đều làm bằng gỗ, mái lợp lá trung quân. Hai loại vật liệu này là tài nguyên có sẵn trong rừng, vì vậy phải chọn gỗ tốt, nguyên cây tròn để tránh mối mọt. Lá Trung quân có nhiều phẩm chất phù hợp cho nhà căn cứ, lâu mục, không cháy lan khi bị đốt, hạn chế hỏa hoạn khi bị bom pháo. Các hầm trú ẩn thường làm kế cận nhà ở và làm việc, chìm trong lòng đất; hầm mặt bằng như: Hầm trú ẩn, hầm chỉ huy, hầm thông tin... hầm thường được làm khá rộng để tiện sinh hoạt khi bị bom pháo. Đầu năm 1965, hầm mặt bằng được thay thế bằng hầm chữ A (còn gọi là hầm Triều Tiên) mẫu do Hà Nội gửi vào.

Về sau cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt và để bảo vệ an toàn, căn cứ chia làm hai khu vực vòng trong và vòng ngoài, ra vào kiểm soát chặt chẽ, phòng ngự từ xa chủ yếu là lấy tiền công là phòng ngự để bảo vệ căn cứ.

Tháng 10/1964, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh tăng cường cán bộ cho cách mạng miền Nam đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương cùng một số tướng lĩnh (Thiếu tướng Trần Độ và Lê Trọng Tấn) và nhiều cán bộ trung – cao cấp đã lên đường vào tăng cường cho cách mạng miền Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn các đồng chí trước khi đi: “Đánh Pháp đã khó, đánh Mỹ còn khó hơn. Đảng và Chính phủ giao cho các chú vào Nam đánh Mỹ cho kỳ được thắng lợi”. Gặp đồng bào thì nói: “Bác Hồ luôn nghĩ đến cách mạng miền Nam”.

Khi vào đến miền Nam, đồng chí Nguyễn Chí Thanh được giữ chức vụ Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1964 – 1967). Sau đó, kiêm Bí thư Quân ủy Miền (lúc này đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Phó Bí thư Trung ương Cục, Bí thư Khu Sài Gòn – Chợ Lớn).

Cuối năm 1965, Trung ương Cục thành lập Ban Chỉ huy ATK (an toàn khu) phân công đồng chí Huỳnh Thanh Mua (Hai Chiến), Bí thư Đảng ủy Dân chính Đảng làm trưởng ban.

Từ năm 1967 – 1975: Tháng 7/1967, đồng chí Nguyễn Chí Thanh mất, Trung ương tăng cường lực lượng lãnh đạo cho Trung ương Cục và nhân sự bố trí lại như sau:

+ Đồng chí Phạm Hùng (Bảy Cường) - Ủy viên Bộ Chính trị được cử giữ chức vụ Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

+ Đồng chí Nguyễn Văn Linh – Phó Bí thư.

+ Đồng chí Phan Văn Đáng – Phó Bí thư.

+ Đồng chí Hoàng Văn Thái (Mười Khang) – Phó Bí thư.

+ Đồng chí Trần Nam Trung - Ủy viên Ban Thường vụ.

+ Đồng chí Phạm Văn Xô - Ủy viên Ban Thường vụ.

+ Đồng chí Phạm Thái Bường - Ủy viên Ban Thường vụ.

+ Đồng chí Trần Văn Trà - Ủy viên.

+ Đồng chí Trần Độ - Ủy viên.

+ Đồng chí Võ Văn Kiệt được bổ sung vào Thường vụ Trung ương Cục năm 1973 (từ Khu 9 về phụ trách mảng công tác Dân vận, Mặt trận, Binh vận).

Đầu năm 1967, Mỹ mở cuộc hành quân lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam mang tên Junction City đánh vào căn cứ Bắc Tây Ninh.

Cuộc hành quân then chốt mang tên Junction City (từ 22/2 đến 15/4/1967) do Bộ Tư lệnh dã chiến 2 vạch ra, nhằm mục đích tiêu diệt “cho bằng được” lực lượng chủ lực của đối phương ở miền Đông, đánh lên vùng căn cứ Bắc Tây Ninh, với âm mưu “tìm diệt” căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Bộ Chỉ huy Miền, Đài phát thanh Giải phóng...xóa căn cứ Dương Minh Châu, tiêu diệt cơ quan chiến tranh (tường trình của tướng Westmoreland: “Ngoài mục đích đánh bẫy quân chủ lực Việt cộng Bắc Việt, bắt sống Trung ương Cục miền Nam...”, “bắt Đài phát thanh Giải phóng phải câm tiếng”. Mỹ huy động 45.000 quân, gồm 22 tiểu đoàn Mỹ, ba tiểu toàn nguy và phương tiện chiến tranh gồm: 1.200 xe tăng – thiết giáp, 256 khẩu pháo, 300 máy bay trực thăng, ba phi đoàn máy bay vận tải...chỉ huy cuộc hành quân Junction City là tướng ba sao Jonathan O. Seaman, Tư lệnh dã chiến 2.

Sau 53 ngày đêm, cuộc hành quân trên bộ lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam không đạt được mục tiêu nào đề ra, bị loại gần một phần tư số quân trực tiếp tham chiến, mất một phần ba số tăng – thiết giáp, gần phân nửa số trực thăng và pháo. Riêng lực lượng tại chỗ diệt 6.600 tên, 685 tăng – thiết giáp, 118 máy bay, ba khẩu pháo.

Mọi cố gắng lớn nhất của Mỹ ở miền Nam đã bị thất bại. Sự kiện này báo trước sự phá sản không thể tránh khỏi của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Bị thất bại trên hướng quyết định, quân Mỹ từ phản công chiến lược lâm vào thế phòng ngự bị động trên toàn chiến trường.

Nói thắng lợi chiến dịch phản công căn cứ địa Bắc Tây Ninh, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đánh giá: “Cuộc hành quân Junction City lớn nhất vào vùng Tây Ninh, lại là cuộc hành quân thua đau nhất, là cái mốc đánh giá đỉnh cao sự thất bại của chúng trong cuộc hành quân này”.

Trung ương Cục miền Nam thành lập ngày 23/01/1961 tại Suối Nhung – Mã Đà, Chiến khu Đ, từ khoảng tháng 10/1961 – 1962 đóng căn cứ tại Mã Đà, Chiến khu Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Từ giữa năm 1962 – 1966, căn cứ đóng tại Núi Đất, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (năm 1964, lực lượng vũ trang bảo vệ Trung ương Cục có đào một hầm để tránh máy bay tập thể theo mẫu hầm chữ A, to lớn và kiên cố rộng 2.50 m, dài 20 m, cao 10 m, thành hình mô đất với thể tích gần 5.000 m³, có sức chứa hàng chục người, nhằm bảo vệ toàn bộ Ban Thường vụ Trung ương Cục, Văn phòng cấp ủy và cán bộ cao cấp, gọi là “Núi Đất”. Đầu năm 1965, máy bay B52 đánh phá căn cứ, bom rơi trúng Núi Đất, nhưng hầm không suy suyễn).

- Khoảng từ năm 1967 – 1969, căn cứ Trung ương Cục đóng ở khu vực Rùm Đuôn, Cà Tum, Tân Biên, Tây Ninh (Cà Tum nay thuộc huyện Tân Châu).

- Khoảng từ năm 1970 – 1971, sau khi thỏa thuận với cách mạng Campuchia, căn cứ chuyển sang vùng Phum Tô (Campuchia).

- Sau chiến thắng Nguyễn Huệ, đầu năm 1973 căn cứ Trung ương Cục chuyển về Rùm Đuôn, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (căn cứ được phục chế hiện nay). Để lãnh đạo cuộc kháng chiến đến ngày toàn thắng 30/4/1975 (từ năm 1961 đến 1975, Trung ương Cục miền Nam di chuyển nhiều nơi khoảng trên ba mươi lần, có tháng di chuyển hai ba lần. Vì khi ta thành lập căn cứ chính thì có lập thêm khoảng hai ba căn cứ dự phòng).

Trong 15 năm (1961 – 1975), Trung ương Cục miền Nam đã tiến hành 15 lần Đại hội toàn thể và ban hành hàng trăm chỉ thị, nghị quyết... chỉ đạo cách mạng miền Nam. Căn cứ Trung ương Cục trở thành trung tâm đầu não chỉ đạo chiến tranh nhân dân cách mạng miền Nam. Nhiều chủ trương, quyết sách của Đảng và Bác Hồ đã được triển khai cụ thể hóa từ trung tâm này để lan rộng ra toàn chiến tranh miền Nam. Đồng chí Lê Duẩn – Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng thời kỳ này đã có trên 30 bức thư và điện gửi cho các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam (Xem tài liệu: Các bức điện – thư gửi vào chiến trường và Trung ương Cục miền Nam) để phân tích và làm rõ thêm đường lối của Trung ương Đảng về cách mạng miền Nam. Trong thư ngày 18/01/1968, đồng chí đã nói lên tấm lòng của Bác Hồ đối với đồng bào miền Nam: “Bác Hồ hết sức quan tâm theo dõi cuộc chiến sắp tới. Bác muốn đích thân vào miền Nam để động viên chiến sĩ, đồng bào, nhưng Bộ Chính trị đề nghị Bác chưa nên đi vì cần giữ sức khỏe cho Bác. Tôi tha thiết mong rằng các đồng chí cùng các chiến sĩ, đồng bào miền Nam đoàn kết tinh thần và lực lượng vào trận đánh chiến lược này giành thắng lợi lớn nhất để sớm đón Bác vào thăm”. Năm đó Bác Hồ không vào Nam được để thăm đồng bào, chiến sĩ. Nhưng ngọn cờ của Bác dẫn dắt toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta làm nên đại thắng mùa Xuân 1975.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đã hoàn thành công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thực tiễn sinh động hào hùng nhưng hết sức khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến đã chứng minh quyết định xây dựng căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Bắc Tây Ninh là một chủ trương đúng đắn sáng tạo của Đảng ta.

Trung ương Cục đã để lại những bài học quý báu, bài học về xây dựng căn cứ địa, xây dựng phong trào cách mạng gắn bó máu thịt với nhân dân. Dân bám đất, Đảng bám dân, du kích, bộ đội bám thắt lưng địch mà đánh. Bài học chủ động tiến công địch về mọi mặt, đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đặc biệt về bài học xây dựng đảng chặt chẽ, vững vàng về chính trị, giỏi về công tác quần chúng là điều kiện tiên quyết dẫn đến thắng lợi của cách mạng nước ta trước kia cũng như công cuộc đổi mới hiện nay.

Trung ương Cục miền Nam là cơ quan đầu não lãnh đạo trực tiếp cách mạng miền Nam từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước, Rùm Đuôn là căn cứ sau cùng của Trung ương Cục miền Nam mà Ban lãnh đạo Trung ương Cục chọn làm nơi ở, làm việc cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975).

Với những giá trị trên, Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam đã được Bộ Văn hóa – Thông tin - Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, tại Quyết định số: 839 – QĐ ngày 31/8/1990.

Đến ngày 29/2/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thành lập Ban quản lý các khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam tỉnh Tây Ninh, tại Quyết định số: 15/QĐ – UBND, (gồm ba khu căn cứ: Trung ương Cục miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam).

Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam (gồm ba căn cứ: Trung ương Cục miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam) là khu căn cứ địa điển hình, có giá trị rất lớn về mặt lịch sử, khoa học, văn hóa và quân sự, cần phải được bảo tồn và phát huy. Do những giá trị trên, Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam được Thủ tướng Chính phủ công nhận là di tích quốc gia đặc biệt, tại Quyết định số: 548/QĐ – TTg ngày 10/5/2012.

Khu di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam đã trải qua hai đợt trùng tu tôn tạo: Đợt một lễ khởi công xây dựng vào ngày 24/12/1992, chính thức lễ khánh thành vào ngày 28/4/1994. Sau bảy năm hoạt động các hạng mục đã xuống cấp nghiêm trọng, mặt khác ta cần phải nâng cấp di tích lên một tầm cỡ mới với các chức năng hoàn thiện hơn, khang trang hơn, trong đó bổ sung nhiều chức năng quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác và giáo dục truyền thống, góp phần hoàn thiện hệ thống các di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Khắc phục những hạn chế sai sót của công trình trùng tu, tôn tạo đợt một (1992 – 1994), bảo đảm vừa phù hợp lịch sử vừa sử dụng lâu dài, khang trang bền vững hơn,

bám sát các tư liệu lịch sử và góp ý của các đồng chí lão thành cách mạng đã sống và làm việc tại căn cứ Trung ương Cục trước đây.

Căn cứ quyết định số: 1188/QĐ-CT ngày 19/12/2001 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án khả thi tôn tạo di tích lịch sử cách mạng miền Nam căn cứ Trung ương Cục miền Nam tỉnh Tây Ninh.

Tháng 10/2002, chính thức lễ khởi công phục chế, tôn tạo di tích căn cứ Trung ương Cục được triển khai thực hiện (đợt hai), chính thức lễ khánh thành vào ngày 29/01/2005.

Khu di tích phục chế tôn tạo thuộc rừng đặc dụng có tên gọi “Chàng Riệc” tại Rùm Đuôn thuộc ấp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Cách trung tâm thị xã Tây Ninh khoảng 60 km, nằm cạnh đường Trung ương Cục, đến di tích bằng hai đường rất thuận tiện.

- Từ thị xã Tây Ninh theo quốc lộ 22 B, theo hướng Bắc đến cửa khẩu quốc tế Xa Mát khoảng 44 km, rẽ phải theo tỉnh lộ 792 khoảng 7 km đến ngã ba, rẽ phải theo đường Trung ương Cục 9 km thì đến di tích.

- Từ thị xã Tây Ninh theo tỉnh lộ 785, đến ngã tư Tân Bình rẽ trái theo lộ 793 đến ngã ba Xe Cháy khoảng 40 km, rẽ theo tỉnh lộ 792 khoảng 12 km đến ngã tư Chàng Riệc, rẽ trái khoảng 5 km đến di tích.

Khu di tích nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng, dốc nhẹ về hướng suối Tiên Cô rải rác một số hố bom B52 có tác dụng chứa nước trong mùa mưa, được rừng nguyên sinh phủ kín, khí hậu gió mùa cận xích đạo, trong năm có hai mùa rõ rệt (nắng, mưa).

Toàn bộ khu di tích không bị ngập, cơ bản là rừng nguyên sinh, số đất bị phá hủy không đáng kể. Khu di tích được quy hoạch rừng bảo vệ là 47 ha (dự kiến quy hoạch là 1.360 ha. Giới hạn xác định diện tích như sau:

- Phía Đông giáp Trảng Chuối.
- Phía Tây giáp lộ Trung ương Cục. Cách biên giới Campuchia 3 km.
- Phía Nam giáp suối Tiên Cô.
- Phía Bắc giáp Trảng Tranh.

Di tích được xây dựng trong rừng nguyên sinh, phân bố nhiều loại cây phổ biến của rừng miền Đông Nam Bộ: Dầu, sao, bằng lăng, lim xẹt, chò, huỳnh, cây...có suối Tiên Cô chảy uốn quanh trong di tích. Di tích nằm giữa đại ngàn bốn phía đều giáp rừng tạo ưu thế về mặt quân sự, đã phản ánh được tầm nhìn chiến lược trong việc chọn địa bàn đứng chân của Trung ương Cục miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Quy hoạch tổng thể khu di tích chia làm ba phân khu chức năng rõ rệt:

- a- Khu di tích: Bao gồm toàn bộ các di tích đã được phục chế.

- b- Khu tưởng niệm: Bao gồm các công trình tôn tạo như khuôn viên, cây kiểng, bãi đậu xe, nhà đón tiếp, nhà trưng bày, nhà tưởng niệm.

- c- Khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên: Khu di tích quy hoạch tổng thể là 47 ha bao gồm: 10 ha khu di tích, khu bảo tồn và du lịch 37 ha.

Các hạng mục được xây dựng:

* Công trình tôn tạo: Nhà đón tiếp – trung bày – tưởng niệm: Cấu trúc hình chữ U, công trình thiết kế hài hòa với cảnh quan khu vực, kết cấu bê tông cốt thép. Mái bê tông ván ngói màu xám, tường xây gạch, cửa thép giả gỗ, nền lót gạch men. Tổng diện tích xây dựng: 600 m².

- Khu đón tiếp: Không gian tiếp khách có chỗ nghỉ chân, giải lao, nơi ghi cảm tưởng và phòng chiếu phim tư liệu.

- Khu trung bày: Gồm một gian trung tâm và hai gian cánh (những công trình phụ). Nền và vách thiết kế đủ diện tích để trưng bày các hiện vật, tư liệu phong phú và quý báu qua các thời kỳ của Trung ương Cục. Gian trung tâm là nơi trang trọng nhất là mảng tường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Khu tưởng niệm: Tưởng niệm các vị lãnh đạo đã mất và các anh hùng liệt sĩ.

* Công trình phục chế: Tất cả các hạng mục phục chế trong di tích có kết cấu và vật liệu gần giống nhau.

- Giao thông hào: Sâu 120 cm, rộng 80 cm, dài 1.253 m, từng đoạn có ụ chiến đấu và hầm ếch tránh phi pháo được phân bố đến trên toàn tuyến. Hai bờ thành và đáy được phủ bê tông giả đất.

- Đường nội bộ: Nối các nhà trong di tích có kích thước: Ngang 120 cm, dài 1.600 m, chất liệu mặt đường xi măng giả đất.

- Hầm chữ A: Kích thước 140 cm x 240 cm x 300 cm, có lối thông từ nhà xuống và ra giao thông hào.

Nền nhà cao 45 cm, nền xi măng giả đất, cột bê tông cốt thép Φ 15 cm, sơn giả gỗ. Đòn dông, đòn tay, vì kèo... dùng gỗ vuông bào tròn, liên kết với nhau bằng chốt thép giả gỗ, mái lợp lá trung quân (loại lá giả), sau khi gia công hóa chất để chống thấm và côn trùng. Nhà cấu trúc giản đơn theo nhà truyền thống Nam Bộ một gian hai chái (kiểu bánh ít).

Nhà ở và làm việc của các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam trang trí giản đơn, bốn vách nhà được đóng nẹp tre phía dưới cao 90 cm (trừ cửa ra vào), phía trên để trống, có những tấm tấm nhựa phủ xuống khi mưa gió, lúc nắng cuộn lên. Trong nhà đặt một chiếc giường, một bàn làm việc và tiếp khách, mặt phía sau gần mái có một kệ nhỏ để tư trang như quần áo, mũ mền..., phía đầu giường có một tủ nhỏ đựng tài liệu mật, khi làm việc ban đêm sử dụng đèn không để ánh sáng lan ra ngoài để tránh máy bay trinh sát phát hiện, dưới nền nhà có lối thông ra hầm chữ A, từ hầm chữ A ra hệ thống giao thông hào.

1- Nhà thường trực: Mặt hướng về phía Đông, có tổng diện tích là 39.36 m² (4.80 x 8.20)m, nhà cao 3.82 m. Là nơi đưa đón khách đến Trung ương Cục làm việc, hội họp, báo cáo..., ở vòng ngoài có Ban An ninh Miền chịu trách nhiệm, khi đưa vào vòng trong để bảo đảm bí mật và bảo vệ được an toàn phải thông qua nhà thường trực, để ghi vào sổ trực và người thường trực phải có trách nhiệm đưa vào trong để gặp các đồng chí lãnh đạo hoặc các cơ quan giúp việc. Từ trong ra ngoài cũng phải thông qua bộ phận thường trực, để ghi vào sổ sách kiểm tra. Nhờ tổ chức chặt chẽ nên suốt thời

kỳ kháng chiến chống Mỹ không có tên gián điệp, biệt kích nào của địch xâm nhập vào khu vực Ban lãnh đạo Trung ương Cục.

2- Hội trường lớn: Mặt hướng về phía Tây, có tổng diện tích là 71.28 m^2 (6.60×10.80)m, nhà cao 4.77 m. Hội trường lớn là để phân biệt với một hội trường khác nhỏ hơn cũng nằm trong khu căn cứ. Hội trường lớn sử dụng để họp các hội nghị quan trọng như quán triệt nghị quyết của Trung ương, hội nghị mở rộng Trung ương Cục..., thành phần dự họp là các cán bộ chủ chốt của Khu ủy, Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy Miền. Hội trường trang trí giản đơn, phía trước là bản đồ quân sự về diễn biến của chiến trường miền Nam, phía sau là khẩu hiệu: “Đảng Lao động Việt Nam muôn năm”. Hai bên treo những khẩu hiệu tùy theo nội dung của từng hội nghị. Phía ngoài hội trường có hầm chữ A để tránh bom, pháo.

3- Nhà đồng chí Nguyễn Văn Linh: Mặt hướng về phía Nam, có tổng diện tích là 32.00 m^2 (5.00×6.40)m, nhà cao 3.82 m.

4- Nhà đồng chí Võ Văn Kiệt: Mặt hướng về phía Đông, có tổng diện tích là 29.04 m^2 (4.40×6.60) m, nhà cao 3.82 m.

5- Nhà đồng chí Nguyễn Chí Thanh: Mặt hướng về phía Đông, có tổng diện tích là 30.00 m^2 (5.00×6.00)m, nhà cao 3.80 m.

6- Nhà đồng chí Phạm Hùng: Mặt hướng về phía Tây, có tổng diện tích là 23.14 m^2 (4.45×5.20) m, nhà cao 3.67 m.

7- Nhà đồng chí Phạm Thái Bường: Mặt hướng về phía Bắc, có tổng diện tích là 27.84 m^2 (4.80×5.80) m, nhà cao 3.67 m.

8- Nhà đồng chí Phan Văn Đáng: Mặt hướng về phía Nam, có tổng diện tích là 29.04 m^2 (4.40×6.60) m, nhà cao 3.67 m.

9- Hội trường nhỏ: Mặt hướng về phía Đông, có tổng diện tích là 42.24 m^2 (4.80×8.80) m, nhà cao 3.71 m.

10- Nhà đồng chí Phạm Văn Xô: Mặt hướng về phía Đông, có tổng diện tích là 28.80 m^2 (4.80×6.00) m, nhà cao 3.67 m.

11- Văn phòng: Mặt hướng về phía Tây, có tổng diện tích là 30.30 m^2 (5.05×6.00) m, nhà cao 3.76 m.

12- Nhà bếp Hoàng Cầm: Mặt hướng về phía Tây, có tổng diện tích là 51.24 m^2 (4.20×12.20) m, nhà cao 3.10 m. Đào âm xuống nền bếp 1.00 m, có ống dẫn khói (dài 1.40 m) đưa khói đến hầm tụ khói (rộng 2.25 m^2), từ hầm tụ khói có ống dẫn khói (dài 3.00m) để lan tỏa ra mặt đất.

13- Nhà đồng chí Trần Nam Trung: Mặt hướng về phía Tây, có tổng diện tích là 27.40 m^2 (4.42×6.20) m, nhà cao 3.67 m.

Sau hơn hai năm thi công trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam, đến ngày 29/01/2005, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng mức đầu tư hơn 12 tỷ đồng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Cục miền Nam đã để lại một nét son chói lọi trong lịch sử Đảng ta. Khu căn cứ Trung ương Cục đã trở thành một di tích lịch sử cách mạng. Ngày nay, lại vinh dự được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định công nhận là di tích quốc gia đặc biệt, tại Quyết định số: 548/QĐ- TTg, ngày 10 tháng

5 năm 2012. Đó là lịch sử trong cả một pho lịch sử bằng vàng thời chống Mỹ của Đảng, của dân tộc. Quay lại lịch sử chính là để vững bước đi lên trong hành trang vươn lên của thời kỳ đổi mới, lòng tự hào về truyền thống cha, anh và biết ơn những người đi trước cũng chính là nguồn nội lực để viết tiếp pho sử bằng vàng thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa Tổ quốc thân yêu.

*** Chú thích:**

(1) – Lê Duẩn nguyên là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ (1947 – 1951), Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1951 – giữa năm 1952). Giữa năm 1952, được điều động ra Trung ương. Sau Hiệp định Genève, được phái vào miền Nam. Ngày 08/02/1955, Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn lên tàu Kilinski (Ba Lan) ở cửa sông Ông Đốc (Cà Mau) làm như sắp cùng cán bộ chiến sĩ tập kết ra miền Bắc, nhưng vào đêm hôm sau là xuống một chiếc xuồng con bí mật trở vào bờ. Định hoàn toàn không hay biết ông ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Để nắm tình hình Nam Bộ, ông từ Cà Mau lên Bến Tre, Mỹ Tho rồi ở Sài Gòn (nhà số 29, đường Huỳnh Khương Ninh, Đa Kao, nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

**PHÒNG QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC DI TÍCH
BIÊN SOẠN NĂM 2012**

***Tài liệu tham khảo:**

- Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 -1975)_Nxb. Chính trị Quốc gia _Hà Nội_2008.
- Trung ương Cục miền Nam - Chiến khu Đ (1961 – 1962)_Nxb. Tổng hợp Đồng Nai_2002.
- Những chặng đường lịch sử Nam Bộ kháng chiến_Nxb. Lao động Hà Nội_2011.
- Chung một bóng cờ_Nxb. Chính trị Quốc gia_Hà Nội_1993.
- Căn cứ địa Bắc Tây Ninh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước_Nxb. Chính trị Quốc gia_Hà nội_2010.
- Lịch sử Nam Bộ kháng chiến – Tập II (1954 – 1975)_Nxb. Chính trị Quốc gia_Hà Nội_2012.
- Miền Nam 21 năm kháng chiến chống Mỹ_Nxb. Chính trị - Hành chính_2012.